

KHÁI NIỆM HÌNH PHẠT VÀ MỤC ĐÍCH CỦA HÌNH PHẠT NHÌN TỪ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ANH - MỸ

Hồ Sỹ Sơn*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hình phạt, theo C. Mác không phải là một cái gì khác ngoài phương tiện tự vệ của xã hội chống lại sự vi phạm các điều kiện tồn tại của nó. Với tính cách là hình thức phổ biến và chủ yếu nhất của trách nhiệm hình sự (TNHS), hình phạt luôn hàm chứa yếu tố trừng trị và luôn động chạm trực tiếp đến quyền và lợi ích của người phạm tội. Mặt khác, nhìn từ yêu cầu phòng ngừa tội phạm, hình phạt phải hàm chứa cả yếu tố cải tạo giáo dục người phạm tội. Vậy thì đâu là nội dung và đâu là mục đích của hình phạt? Về vấn đề này, Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1999 cũng đã ghi nhận tại Điều 26 “Khái niệm hình phạt” và tại Điều 27 “Mục đích của hình phạt”. Tuy nhiên, các nhà luật học nước ta vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau xoay quanh khái niệm hình phạt và mục đích của hình phạt. Điều đó cho thấy rằng, những vấn đề về khái niệm hình phạt và mục đích của hình phạt vẫn là những vấn đề cần được bàn luận trên nhiều phương diện: từ nhận thức cho đến cách thể hiện trong luật cũng như trong các biện pháp thực hiện. Điều này xuất phát từ nhu cầu thực tiễn đòi hỏi phải có sự nhận thức thống nhất và có cơ sở khoa học về khái niệm và mục đích của hình phạt làm cơ sở cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự. Đặc biệt là trong điều kiện đổi mới của đất nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, nhu cầu tăng cường các giá trị của hình phạt đòi hỏi việc quy định và áp dụng hình phạt phải tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm nghiên cứu và xây dựng pháp luật của nước ngoài. Do vậy, việc tiếp thu những kinh nghiệm pháp lý từ các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới trong đó có hệ thống Anh - Mỹ là một nhu cầu cấp thiết. Bài viết đề cập các quan điểm khoa học và kinh nghiệm lập pháp của các quốc gia

thuộc hệ thống pháp luật Anh - Mỹ về khái niệm hình phạt và về mục đích của hình phạt là nhằm góp phần thực hiện nhu cầu đó. Cũng cần lưu ý rằng, hệ thống pháp luật Anh - Mỹ là một trong những hệ thống pháp luật lớn hiện nay trên thế giới, vì vậy, bài viết không thể đề cập đến tất cả các quan điểm về khái niệm hình phạt và mục đích của hình phạt đã được nêu ra trong tất cả các hệ thống pháp luật quốc gia thuộc hệ thống pháp luật này mà chỉ đề cập những quan điểm đã được nêu ra trong hệ thống pháp luật nước Anh và hệ thống pháp luật nước Mỹ.

II. KHÁI NIỆM HÌNH PHẠT VÀ MỤC ĐÍCH CỦA HÌNH PHẠT TRONG HỆ THỐNG PHÁP LUẬT NƯỚC ANH VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT NƯỚC MỸ

2.1. Khái niệm hình phạt

Pháp luật nước Anh không quy định khái niệm hình phạt. Mặc dù vậy, vấn đề về khái niệm hình phạt rất được các nhà triết học và các nhà luật học của quốc gia này quan tâm nghiên cứu. Chính vì vậy, khái niệm hình phạt đã được thể hiện khá nhiều trong lý luận luật hình sự nước Anh. Điều đáng lưu ý là, khi định nghĩa thế nào là hình phạt, các nhà triết học và các nhà luật học nước Anh, trước hết thường xuất phát từ tính chất triết học của vấn đề này. Chẳng hạn, theo nhà triết học nổi tiếng của nước Anh H. Hart thì “hình phạt là phương pháp kiểm tra của xã hội thể hiện ở việc xác định khả năng tự do tối đa của chủ thể trong những phạm vi và giới hạn của các biện pháp cưỡng chế mà pháp luật quy định đối với chủ thể có hành vi lệch chuẩn. Bởi vậy, quy định các tiêu chí đối với hành vi và quyết định các biện pháp có tính chất trừng phạt đối với chủ thể có hành vi lệch chuẩn là sự tác động chủ yếu của hình phạt”¹. Trong

* Thạc sỹ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật

¹ H. Hart. Prolegomenon to the Principles of Punishment. P. 21-22.

một số công trình nghiên cứu khác, H. Hart đã nêu ra những dấu hiệu đặc trưng sau đây của hình phạt: 1) Hình phạt gắn liền với sự đau đớn hoặc với những hậu quả bất lợi khác; 2) Hình phạt được quy định đối với sự vi phạm pháp luật; 3) Hình phạt cần được áp dụng đối với người vi phạm pháp luật hoặc bị coi là người đã vi phạm pháp luật; 4) Hình phạt cần phải được người vi phạm pháp luật và những người khác có liên quan nghiêm chỉnh chấp hành; 5) Hình phạt phải do cơ quan công quyền quyết định và thi hành.

Cũng như trong pháp luật hình sự nước Anh, trong pháp luật hình sự nước Mỹ không có quy định nào về khái niệm hình phạt. Khái niệm hình phạt chủ yếu được nêu ra trong lý luận luật hình sự. Thế nhưng cũng như trước đây, đa phần các nhà luật học nước Mỹ vẫn cho rằng, khái niệm hình phạt không thể đảm bảo được tính hoàn chỉnh của nó, vì vậy khi định nghĩa về hình phạt, họ thường “rào trước đón sau”, chẳng hạn, theo J. Dressler, về mặt thuật ngữ không thể định nghĩa về hình phạt vì trong mọi ngữ cảnh, bất kỳ một định nghĩa nào cũng gắn với sự phê bình. Tuy vậy, J. Dressler cho rằng “một người phải chịu hình phạt nếu như người đại diện của Nhà nước vốn được trao chức năng, quyền hạn xét xử và kết án chủ tâm gây đau đớn hoặc buộc họ phải chịu những hậu quả pháp lý tiêu cực nào đó”². Nhà luật học Rush.G cũng cho rằng “Hình phạt trong luật hình sự - đó là bất kỳ một sự đau đớn, sự khổ đau, sự trừng phạt, sự hạn chế mà theo quy định của pháp luật và theo quyết định hoặc bản án của Tòa án, được áp dụng đối với chủ thể thực hiện tội phạm hoặc hành vi vi phạm pháp luật hình sự hoặc không thực hiện những nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định”³. Còn theo H. Packer thì hình phạt có những dấu hiệu: “1) Hình phạt là sự đau đớn hoặc những hậu quả tiêu cực khác; 2) Hình phạt được quy định đối với sự vi phạm pháp luật; 3) Hình phạt được áp dụng đối với chủ thể thực hiện vi phạm pháp luật (tội

phạm); 4) Hình phạt được áp dụng đối với cả những chủ thể mà bản thân những chủ thể đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và 5) Hình phạt được quyết định và áp dụng bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”⁴.

Phân tích các quan niệm về khái niệm hình phạt trong lý luận luật hình sự ở nước Anh cũng như ở nước Mỹ, chúng ta thấy ở chúng có những điểm chung là đều nhấn mạnh tính chất trừng trị của hình phạt thể hiện ở sự gây đau đớn hoặc những hậu quả tiêu cực khác đối với những chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật (tội phạm)..... nhấn mạnh việc áp dụng hình phạt đối với cả những chủ thể mà bản thân chúng không bị truy cứu TNHS song theo quy định của pháp luật, phải chịu hình phạt và cũng nhấn mạnh thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong việc quyết định và áp dụng hình phạt.

2.2. Mục đích của hình phạt

Ở nước Anh không có một văn bản pháp luật nào quy định mục đích của hình phạt, còn trong các văn bản pháp luật mà Nghị viện nước Anh ban hành trong vòng mười năm trở lại đây lại có các quy định về các nguyên tắc quyết định hình phạt, theo đó, hình phạt phải được quyết định một cách thích đáng nhằm trừng trị, làm khiếp sợ, bảo vệ được xã hội khỏi những hậu quả của tội phạm. Khi bàn về mục đích của hình phạt, các nhà luật học nước Anh đều cho rằng, hình phạt có mục đích: trừng trị người phạm tội một cách thích đáng hoặc một cách công bằng đối với họ; làm cho họ phải sợ hãi; bảo vệ xã hội khỏi sự xâm phạm của tội phạm; phục hồi và trả người phạm tội trở về với xã hội.

Ngược lại, ở nước Mỹ, vấn đề mục đích của hình phạt chẳng những thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học luật hình sự mà còn thu hút được sự quan tâm của các nhà làm luật và giữa họ có tiếng nói khá thống nhất. Kết luận này là có cơ sở vì rằng, trong khoa học pháp lý hình sự, xuất hiện khá nhiều quan niệm khác nhau về mục đích của hình phạt.

² Dressler J. Understanding criminal Law. Matthew Bender - N.Y. 1994, P.3-4.

³ Rush. G. The dictionary of criminal justice. The Dushkin Publishing Group Line. Com. 1991, P.257.

⁴ Packer. H. Limits of criminal sanction. Stanford (cal), 1968, P.21.

một số công trình nghiên cứu khác, H. Hart đã nêu ra những dấu hiệu đặc trưng sau đây của hình phạt: 1) Hình phạt gắn liền với sự đau đớn hoặc với những hậu quả bất lợi khác; 2) Hình phạt được quy định đối với sự vi phạm pháp luật; 3) Hình phạt cần được áp dụng đối với người vi phạm pháp luật hoặc bị coi là người đã vi phạm pháp luật; 4) Hình phạt cần phải được người vi phạm pháp luật và những người khác có liên quan nghiêm chỉnh chấp hành; 5) Hình phạt phải do cơ quan công quyền quyết định và thi hành.

Cũng như trong pháp luật hình sự nước Anh, trong pháp luật hình sự nước Mỹ không có quy định nào về khái niệm hình phạt. Khái niệm hình phạt chủ yếu được nêu ra trong lý luận luật hình sự. Thế nhưng cũng như trước đây, đa phần các nhà luật học nước Mỹ vẫn cho rằng, khái niệm hình phạt không thể đảm bảo được tính hoàn chỉnh của nó, vì vậy khi định nghĩa về hình phạt, họ thường “rào trước đón sau”, chẳng hạn, theo J. Dressler, về mặt thuật ngữ không thể định nghĩa về hình phạt vì trong mọi ngữ cảnh, bất kỳ một định nghĩa nào cũng gắn với sự phê bình. Tuy vậy, J. Dressler cho rằng “một người phải chịu hình phạt nếu như người đại diện của Nhà nước vốn được trao chức năng, quyền hạn xét xử và kết án chủ tâm gây đau đớn hoặc buộc họ phải chịu những hậu quả pháp lý tiêu cực nào đó”². Nhà luật học Rush.G cũng cho rằng “Hình phạt trong luật hình sự - đó là bất kỳ một sự đau đớn, sự khổ đau, sự trừng phạt, sự hạn chế mà theo quy định của pháp luật và theo quyết định hoặc bản án của Tòa án, được áp dụng đối với chủ thể thực hiện tội phạm hoặc hành vi vi phạm pháp luật hình sự hoặc không thực hiện những nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định”³. Còn theo H. Packer thì hình phạt có những dấu hiệu: “1) Hình phạt là sự đau đớn hoặc những hậu quả tiêu cực khác; 2) Hình phạt được quy định đối với sự vi phạm pháp luật; 3) Hình phạt được áp dụng đối với chủ thể thực hiện vi phạm pháp luật (tội

phạm); 4) Hình phạt được áp dụng đối với cả những chủ thể mà bản thân những chủ thể đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và 5) Hình phạt được quyết định và áp dụng bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”⁴.

Phân tích các quan niệm về khái niệm hình phạt trong lý luận luật hình sự ở nước Anh cũng như ở nước Mỹ, chúng ta thấy ở chúng có những điểm chung là đều nhấn mạnh tính chất trừng trị của hình phạt thể hiện ở sự gây đau đớn hoặc những hậu quả tiêu cực khác đối với những chủ thể thực hiện hành vi vi phạm pháp luật (tội phạm)..... nhấn mạnh việc áp dụng hình phạt đối với cả những chủ thể mà bản thân chúng không bị truy cứu TNHS song theo quy định của pháp luật, phải chịu hình phạt và cũng nhấn mạnh thẩm quyền của cơ quan nhà nước trong việc quyết định và áp dụng hình phạt.

2.2. Mục đích của hình phạt

Ở nước Anh không có một văn bản pháp luật nào quy định mục đích của hình phạt, còn trong các văn bản pháp luật mà Nghị viện nước Anh ban hành trong vòng mười năm trở lại đây lại có các quy định về các nguyên tắc quyết định hình phạt, theo đó, hình phạt phải được quyết định một cách thích đáng nhằm trừng trị, làm khiếp sợ, bảo vệ được xã hội khỏi những hậu quả của tội phạm. Khi bàn về mục đích của hình phạt, các nhà luật học nước Anh đều cho rằng, hình phạt có mục đích: trừng trị người phạm tội một cách thích đáng hoặc một cách công bằng đối với họ; làm cho họ phải sợ hãi; bảo vệ xã hội khỏi sự xâm phạm của tội phạm; phục hồi và trả người phạm tội trở về với xã hội.

Ngược lại, ở nước Mỹ, vấn đề mục đích của hình phạt chẳng những thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học luật hình sự mà còn thu hút được sự quan tâm của các nhà làm luật và giữa họ có tiếng nói khá thống nhất. Kết luận này là có cơ sở vì rằng, trong khoa học pháp lý hình sự, xuất hiện khá nhiều quan niệm khác nhau về mục đích của hình phạt.

² Dressler J. Understanding criminal Law. Matthew Bender - N.Y. 1994, P.3-4.

³ Rush. G. The dictionary of criminal justice. The Dushkin Publishing Group Line. Com. 1991, P.257.

⁴ Packer. H. Limits of criminal sanction. Stanford (cal), 1968, P.21.

Dựa vào những điểm chung giống nhau và những điểm khác biệt trong các quan niệm đó, có thể khái quát mục đích của hình phạt bao gồm: 1) trừng trị (xử lý thích đáng người phạm tội vì đã thực hiện tội phạm); 2) phòng ngừa chung (general prevention); 3) phòng ngừa riêng; 4) “chữa trị” hoặc là phục hồi người phạm tội để trả họ trở về với xã hội. Bốn mục đích trên đây của hình phạt được ghi nhận trong Bộ luật Hình sự Bang New York (mục 1.05: Những mục đích chung). Bốn mục đích đó của hình phạt cũng đã được ghi nhận trong pháp luật hình sự Hợp chúng quốc Hoa Kỳ (mục 3553 – Tổng tập luật pháp Hoa Kỳ). Đến năm 1984, những mục đích đó của hình phạt được ghi nhận trong đạo luật có tính chuyên môn - Đạo luật về cải cách hệ thống hình phạt.

Trừng trị (retribution) là mục đích mang tính cổ xưa và truyền thống của hình phạt. Cha đẻ của quan niệm về mục đích này của hình phạt chính là I. Cant – người đã cho rằng “lý luận về hình phạt theo nguyên tắc Talion – “ăn miếng trả miếng” có thể và là lý luận duy nhất có trí tuệ”. Theo nguyên tắc này, người Mỹ hiểu rằng việc gây ra một sự đau đớn cho người đã gây ra cho người khác một thiệt hại là đúng và hợp với lẽ công bằng”⁵.

Những người phản đối quan niệm coi trừng trị là mục đích của hình phạt thì cho rằng, nhược điểm lớn nhất đáng để phê phán của quan niệm này là coi hình phạt là hình thức trả giá của người phạm tội, vì vậy, xét từ góc độ đạo đức, quan niệm này là không thể chấp nhận được. Tuy nhiên, những người ủng hộ quan điểm coi trừng trị là mục đích của hình phạt lại có cách giải thích khác. Chẳng hạn, một số người cho rằng, để phục hồi sự cân bằng về mặt tâm lý và đề bẹp được khuynh hướng phạm tội của người phạm tội, cần trừng trị họ một cách đích đáng. Bổ sung thêm vào ý kiến này, một số người khác cho rằng hình phạt là sự trừng trị cần thiết để đảm bảo sự tôn trọng pháp luật và ngăn ngừa những hành động “trả thù cá nhân”.

Hiện nay mục đích trừng trị của hình phạt được thay bằng mục đích “xử lý thích đáng” hoặc “xử lý công bằng”. Những người ủng hộ mục đích “xử lý thích đáng” hoặc “xử lý công bằng” của hình phạt khẳng định rằng, một người chỉ phải chịu hình phạt khi người đó đáng bị xử lý như vậy và ngược lại. Do vậy, họ phản đối mạnh mẽ cách tiếp cận hình phạt vì lợi ích của tập thể cũng như của các công dân khác trong xã hội. Theo họ, hình phạt không thể vì lợi ích của những người hoặc tập thể khác mà được áp dụng đối với người phạm tội. Họ lập luận rằng cách tiếp cận vị lợi (vì lợi ích của người khác hay của các tập thể) về hình phạt là không đáng tin cậy bởi việc gây đau đớn cho một số người mà lại được lập luận bằng việc đảm bảo lợi ích của những người khác. Một xã hội tự do, theo họ, cần thừa nhận một điều rằng quyền của một cá nhân bao giờ cũng phải được ưu tiên bảo vệ hơn so với lợi ích của tập thể⁶. Quan niệm đang phân tích có điểm giống với quan niệm của I. Cant bởi I. Cant cũng đã cho rằng, hình phạt không thể được quyết định và áp dụng đối với người phạm tội chỉ vì lợi ích của xã hội. Song, I. Cant cũng cho rằng, sau khi quyết định và áp dụng hình phạt để đảm bảo công bằng xã hội, có thể dùng nó để đạt được những mục đích khác. Từ góc độ coi hình phạt là “mệnh lệnh của Nhà nước”, một số nhà luật học nhấn mạnh rằng, trước hết, người phạm tội phải nhận được hình phạt thích đáng, còn sau đó mới có thể nghĩ đến việc hình phạt đó đem lại những gì cho người phạm tội hay cho những người khác⁷.

Một trong những lý luận nổi tiếng hiện nay về mục đích của hình phạt là lý luận về kiểm chế việc thực hiện tội phạm bằng sự làm khiếp sợ (deterrence or general deterrence), vẫn thường được gọi là lý luận về phòng ngừa chung (general prevention). Theo lý luận này, sự đau đớn mà hình phạt đem lại cho người phạm tội cần phải kiểm chế được người khác thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, một số nhà luật

⁶ A. Von Hirsch. Doing justice, 1976, P.50.

⁷ Piontkovskij. A.A – Quan niệm của Cant, A. Pheubách và Phikt về pháp luật hình sự, Matxcova, 1940, s.53-54 (Tiếng Nga).

⁵ Lafave. R. Wayne, Scott. W. Austin. Criminal Law. Seconded St. Paul. Minn. 1991 (1999), P.26.

học người Mỹ lại cho rằng, hiệu quả phòng ngừa chung của hình phạt là không rõ ràng; khó đo được tính hiệu quả của việc vì khiếp sợ hình phạt mà không phạm tội vì rằng sự khiếp sợ không phải là sức mạnh duy nhất kiểm chế mọi người không vi phạm pháp luật⁸.

Sức mạnh phòng ngừa chung của hình phạt tùy thuộc vào một loạt các nhân tố, vì vậy có thể khác nhau. Những người thực hiện tội phạm trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (ví dụ, giết người do quá tức giận) hoặc những người thực hiện tội phạm có tính chất chuyên nghiệp (ví dụ, những người trộm cắp, móc túi, bẻ khóa,...) có thể ít sợ hình phạt hơn so với người khác. Thậm chí có những nhân tố không liên quan gì đến tính chất của tội phạm cũng tác động đến mức độ khiếp sợ hình phạt của mọi người như địa vị xã hội, độ tuổi, thể chất và trạng thái tinh thần,...

Tuy nhiên, sự đe dọa bị áp dụng hình phạt là sự đe dọa mang tính trừu tượng và dù rằng có ý nghĩa phòng ngừa chung nhất định nhưng có thể không lớn như ý nghĩa phòng ngừa chung của niềm tin của mọi người vào việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử, áp dụng hình phạt và thi hành hình phạt đối với người phạm tội. Do vậy, có tác giả người Mỹ đã nhận xét rằng, “lý luận phòng ngừa chung sẽ không có triển vọng chừng nào còn duy trì tư duy về kiểm chế tội phạm bằng cách tăng cường tính nghiêm khắc của hình phạt mà không củng cố niềm tin vào tính phải chịu hình phạt của tội phạm”⁹.

Một số nhà luật học nước Mỹ quên mất nhận xét của Beccaria, theo đó tính không tránh khỏi hình phạt của tội phạm đem lại niềm tin cho mọi người vào giá trị của hình phạt. Đối với người phạm tội, điều đó đem lại ấn tượng mạnh mẽ hơn so với sự sợ hãi của họ trước hình phạt nghiêm khắc, nhất là khi hình phạt nghiêm khắc đó không được áp dụng hoặc áp dụng không đúng đối với họ¹⁰. Cũng có một luận điểm quan trọng nữa của Beccaria

mà người Mỹ cũng như trước đây, thường quên là “Hình phạt cần phải được áp dụng ngay đối với tội phạm làm sao để trong mắt mọi người, hình phạt được coi là hậu quả tất yếu và không thể tránh khỏi của tội phạm”.

Gần giống với lý luận mà chúng ta đang phân tích trên đây là lý luận kiểm chế người đã bị kết án phạm tội mới. Một số tác giả gọi lý luận này là special hoặc particular deterrence có nghĩa là kiểm chế việc thực hiện tội phạm bằng cách gây hoảng sợ cho cá nhân. Mặc dù một số tác giả chẳng hạn như Scott A và Lafave W gọi đó là phòng ngừa nhưng cách gọi đó hoàn toàn không logic vì đó thực chất là phòng ngừa riêng¹¹. Theo lý luận này cần kiểm chế việc thực hiện tội phạm bằng chính bản thân hình phạt (ví dụ hình phạt tù có thời hạn dài hơn) cũng như bằng chế độ thi hành hình phạt, nghĩa là làm cho người bị kết án cảm nhận được “sự khó chịu” và không muốn tái phạm trong tương lai. Một số tác giả (Hall và Glueks) nhận xét một cách đúng đắn rằng, thực ra lý luận đó được hình thành từ sự hoài nghi về mức độ cao của tình hình tái phạm. Trong rất nhiều nhận xét được Andenhes và Gleuser rút ra từ việc thực hiện những nỗ lực nhằm ngăn ngừa tội phạm, có một nhận xét rằng trong trường hợp không áp dụng hình phạt vì mục đích phòng ngừa riêng, mức độ tái phạm tăng lên một cách đáng kể. Cũng có ý kiến cho rằng mục đích phòng ngừa riêng của hình phạt chọc tức người bị kết án, khơi dậy sự trả thù của họ đối với xã hội và như vậy kích thích sự tăng lên của tình hình tội phạm. Trong khi đó những người biên soạn cuốn sưu tập “Các lý luận hiện đại về hình phạt”¹² khẳng định rằng trong phòng ngừa tội phạm, vai trò hàng đầu thuộc về phòng ngừa chung chứ không phải là phòng ngừa riêng.

Việc làm triệt tiêu khả năng thực hiện tội phạm (incapacitation) là một bộ phận của phòng ngừa riêng được luật hình sự nước Mỹ tách thành một mục đích độc lập của hình phạt. Theo lý luận này, xã hội có thể bảo vệ

⁸ Lafave W, Scott A. Op. cit, P.24-25.

⁹ Puttkamer E. Administration of criminal law. 1953, P.16-17.

¹⁰ Bekkaria. Ch. Bàn về tội phạm và hình phạt, .M-1939. s. 309 (Tiếng Nga).

¹¹ Lafave. W, Scott. A. Op. cit, P.23-34.

¹² Nkhikiforov B.S. Reshetnikov Ph.M – Luật hình sự nước Mỹ hiện nay, M.1990, S.72 (Tiếng Nga).

mình khỏi những người được coi là nguy hiểm bởi đã phạm tội bằng cách cách ly hoặc loại bỏ họ ra khỏi đời sống xã hội. Theo phương thức thứ nhất thì trong thời hạn chấp hành hình phạt tại trại giam, người bị kết án không có khả năng và điều kiện để phạm tội; còn theo phương thức thứ hai thì người bị phạt tù chung thân sẽ chấp hành hình phạt tại trại giam suốt cả cuộc đời (không được giảm thời hạn chấp hành hình phạt – tức bị cách ly cả đời khỏi đời sống xã hội và cũng sẽ không có khả năng và điều kiện để phạm tội), còn người bị kết án tử hình sẽ không thể phạm tội bởi sẽ bị vĩnh viễn loại ra khỏi đời sống xã hội. Theo một số nhà luật học thì quan niệm đó không hoàn toàn chính xác, bởi mục đích của hình phạt trong những trường hợp trên đây chỉ đúng đối với trường hợp bị kết án tử hình. Trong trại giam (nhà tù) người bị kết án có thể thực hiện tội phạm (mặc dù ít hơn so với bên ngoài trại giam) nhất là tội xâm phạm nhân thân. Chính vì vậy, mục đích này tưởng như dễ đạt được, song trên thực tế rất khó thực hiện¹³. Bàn về phương thức triệt tiêu khả năng thực hiện tội phạm, có nhà luật học cho rằng, việc làm mất khả năng phạm tội có thể còn được thực hiện bằng các phương thức khác, ví dụ như thực hiện việc thiên đối với người thường xuyên có hành vi hiếp dâm, chặt đứt cánh tay của người móc túi chuyên nghiệp¹⁴.

Phê phán kịch liệt học thuyết này, một số nhà luật học cho rằng không thể xác định được một cách chính xác những người có thể bị coi là nguy hiểm cho xã hội và vậy, theo họ học thuyết này không hướng vào cải tạo giáo dục người phạm tội (phục thiện) trong khi đó phần lớn những người bị kết án tù thậm chí là tù suốt đời vẫn có thể trở lại xã hội sau khi đã được cải tạo giáo dục. Học thuyết này theo họ được sử dụng để biện minh cho việc cần thiết phải áp dụng những hình phạt nghiêm khắc như hình phạt tử hình hoặc tù chung thân mà người bị phạt tù không có quyền được giảm thời hạn chấp hành hình phạt.

Một trong những học thuyết cơ bản về mục đích của hình phạt là học thuyết “chữa trị” hoặc phục hồi quyền của người phạm tội để trả họ về với đời sống xã hội. Theo học thuyết này, hình phạt áp dụng đối với người phạm tội nhằm mục đích cải tạo họ, vì vậy cần được áp dụng các biện pháp cần thiết (treatment). Nếu gọi biện pháp cần thiết đó là hình phạt cũng không hoàn toàn đúng vì rằng các biện pháp này không nhằm gây khổ đau cho người bị áp dụng. Lý thuyết “chữa trị” hoặc phục hồi quyền và trả người phạm tội trở về với xã hội xuất phát từ chỗ cho rằng hành vi của con người là sản phẩm (kết quả) của một loạt các nguyên nhân mà những nguyên nhân này có thể được làm sáng tỏ và có thể dùng các biện pháp thích ứng có tác động hiệu quả đến hành vi của con người để “chữa trị” người bị kết án. Lý thuyết đang phân tích xác định các biện pháp cần thiết đó là tổng thể các biện pháp chữa trị cần thiết để trả người phạm tội trở về với xã hội. Sự tác động cải tạo người phạm tội theo học thuyết này cần hướng vào tác động tâm lý như bác sỹ chữa bệnh cho bệnh nhân và tác động về mặt xã hội. Lý thuyết này ủng hộ chế độ áp dụng các chế tài hình phạt không xác định rõ thời hạn chấp hành hình phạt.

Từ điển “Tư pháp hình sự” nước Mỹ khi khái quát học thuyết này đã nêu ra ba yếu tố: 1) mức độ cá thể hoá cao; chú ý đến người vi phạm pháp luật chứ không phải chú ý đến vi phạm pháp luật; 2) tính không dứt khoát: tha miễn người bị kết án đã cải tạo tốt và; 3) áp dụng rộng rãi các biện pháp cần thiết đối với người vi phạm pháp luật¹⁵. Lý thuyết về mục đích “chữa trị” hoặc phục hồi và trả người phạm tội trở về với xã hội là tiền đề cho việc áp dụng chế độ giam giữ không dứt khoát. Theo chế độ áp dụng chế tài không xác định rõ thời hạn chấp hành hình phạt, khi quyết định hình phạt, Tòa án không chỉ rõ chính xác thời hạn giam giữ mà chỉ xác định giới hạn giam giữ và giới hạn này tương đối lớn (ví dụ, từ 5 đến 20 năm) hoặc rất lớn (ví dụ, từ 20

¹³ Gibbs J Crime, Punishment and deterrence, 1975, P.58.

¹⁴ Robinson P. Criminal Law-N.Y.1997, P.13.

¹⁵ Rush. G. The dictionary of criminal justice. The Dushkin Publishing Group 1991, P.264.

năm đến 50 năm hoặc thậm chí từ 1 năm đến 99 năm). Trên thực tế, thời hạn giam giữ do một Hội đồng đặc biệt xác định - đó là Hội đồng tha tù trước thời hạn (Parole board). Thường thì Hội đồng này gồm từ 4 đến 5 thành viên và do Thống đốc Bang bổ nhiệm trong số những người thuộc Đảng của mình. Các Hội đồng như vậy được thành lập ở cấp độ Bang và cấp độ Liên bang Hoa Kỳ. Nếu như Hội đồng cho rằng quá trình phục hồi (cải tạo giáo dục) tỏ ra kết quả thì người bị kết án phạt tù đang bị giam giữ sẽ được tha tù trước thời hạn. Tiêu chí cơ bản cần phải có là "hành vi cải tạo tốt". Trên thực tế, việc giải quyết vấn đề này thường tùy thuộc vào một số nhân tố khác: khả năng tìm được việc làm, nhà tù bị quá tải, mức độ diễn biến của tình hình tội phạm này hay tội phạm khác, thái độ đối với đội ngũ quản giáo tại nhà tù... Theo pháp luật thì việc xem xét các nhân tố đó không bị hạn chế, do vậy, số phận của người bị giam giữ phụ thuộc vào sự suy xét đó của Hội đồng. Vào năm 1877, chế độ áp dụng thời hạn giam giữ không dứt khoát này được ghi nhận tại Bang Niu York, đến năm 1992 đã có 37 Bang và đến giữa những năm bảy mươi của thế kỷ XX đã có tới 41 Bang của nước Mỹ ghi nhận chế độ này trong pháp luật của mình. Chẳng hạn, mục 70.00 Bang Niu York quy định "bản án phạt tù giam đối với tội nguy hiểm không cần phải xác định rõ thời hạn mà người bị kết án phải chấp hành".

Tuy nhiên, đến cuối những năm 70 của thế kỷ XX ở nước Mỹ bắt đầu dấy lên phong trào phê phán chế độ áp dụng bản án phạt tù giam kiểu này. Điều đó xuất phát từ một loạt nguyên nhân khác nhau: thứ nhất, tình hình tội phạm không những không giảm đi mà thậm chí còn tăng lên chứng tỏ chế độ thi hành tù giam kiểu không dứt khoát tỏ ra không có hiệu quả; thứ hai, bản thân chế độ thi hành này tỏ ra có sự phân biệt thiếu công bằng và bình đẳng bởi đối với những tội phạm như nhau, những người thực hiện chúng chấp hành hình phạt với những thời hạn khác nhau.

Tổng kết kết quả nhiều năm thực hiện chế độ thi hành hình phạt tù không xác định rõ thời hạn chấp hành, Ủy ban nghiên cứu về hoạt động nhà tù đưa ra kết luận rằng, mô

hình phục hồi, cải tạo giáo dục trả người phạm tội về với xã hội mặc dù có tác dụng tác động đến nhận thức của người bị kết án và khơi dậy sự quan tâm của họ đối với việc tự giáo dục cải tạo, song tỏ ra có tính trùng trị nghiêm khắc hơn so với mô hình dùng hình phạt trùng trị người phạm tội... Việc kết án những người có lỗi trong việc thực hiện những tội phạm giống nhau song buộc họ phải chịu những biện pháp tác động khác nhau với lý do phục hồi, cải tạo giáo dục họ và việc quyết định hình phạt không phải đối với hành vi mà đối với những điều kiện thực hiện hành vi đã vi phạm các nguyên tắc có tính nền tảng của luật hình sự: nguyên tắc công bằng và nguyên tắc bình đẳng¹⁶.

Nhược điểm lớn nhất của chế độ áp dụng bản án không xác định thời hạn chấp hành là ở chỗ nó không những không hướng người phạm tội vào tự cải tạo giáo dục mà thậm chí còn tạo ra những điều kiện nhằm buộc họ phải thực hiện những yêu cầu được đưa ra từ phía nhà tù và họ phải thực hiện mới có thể hy vọng được tự do. Nói cách khác, chế độ thi hành án kiểu này tạo ra sự tùy tiện của nhà tù đối với người bị kết án tù và thụ án tại trại giam. Tư pháp hình sự Hoa Kỳ, vì vậy, theo J. Levine và một số tác giả khác "là pháp luật trong thực tiễn. Ai không làm những gì mà chính quyền muốn, cần ở lại nhà tù lâu hơn"¹⁷. Bởi vậy, cả lực lượng cảnh tả và lực lượng cánh hữu đều phê phán chế độ thi hành bản án không xác định thời hạn chấp hành. Những người cánh tả cho rằng, chế độ thi hành hình phạt kiểu này làm xuất hiện "chủ nghĩa tự do thối nát" vì rằng cho phép những người bị kết án về những tội rất nghiêm trọng được ra khỏi nhà tù sớm hơn rất nhiều so với thời hạn phạt tù đã được ghi nhận trong bản án của Tòa án và cũng nhờ "sự ưu ái" của các thẩm phán mà bản án thường nhẹ hơn nhiều so với quy định của pháp luật. Những người thuộc các lực lượng cánh tả thì cho rằng chế

¹⁶ Kristi.N. Các giới hạn của hình phạt, M.1985, S.7-8 (Tiếng Nga).

¹⁷ Levine James. Criminal Justice in America: Law in action N.Y.1985, P.479.

độ thi hành bản án kiểu đó tạo điều kiện để các thẩm phán thực hiện xét xử một cách tùy tiện không có giới hạn, đồng thời tạo điều kiện để cơ quan công quyền đối xử một cách tùy tiện không đáng có đối với người bị kết án tù, đặc biệt là đối với những người bị kết án bởi đã tham gia các phong trào phản đối chiến tranh, chống phân biệt chủng tộc và các phong trào tiến bộ khác¹⁸.

Một trong những lý thuyết về mục đích của hình phạt và được coi là học thuyết thay thế cho học thuyết phục hồi hoặc giáo dục cải tạo trả người phạm tội về với đời sống xã hội là học thuyết “đảm bảo công bằng”. Theo học thuyết này, những người thực hiện tội phạm giống nhau phải bị áp dụng hình phạt như nhau. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cần xuất phát từ mức độ nghiêm trọng của hành vi đã được thực hiện để buộc người phạm tội “hưởng” những gì mà họ đã gây ra cho xã hội; thời hạn chấp hành hình phạt thực tế phải được ghi rõ trong bản án.

Đến cuối những năm 70 của thế kỷ XX, các bản án thuộc loại này đã được thực hiện tại các bang Cilifornia, Meu, Indiana,... Chẳng hạn, tại bang Cilifornia, khi quyết định hình phạt, nếu Tòa án cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự mà pháp luật đã quy định, thì mức hình phạt mà Tòa án quyết định chỉ được hoặc là -1 hoặc là +1 so với mức hình phạt mà pháp luật đã quy định đối với tội tương ứng.

Trong sách báo pháp lý Hoa Kỳ, người ta cũng đã nhận xét rằng, chế độ thi hành bản án có ghi rõ thời hạn thi hành kéo theo nó hai hậu quả tiêu cực: thứ nhất, làm tăng đáng kể thời hạn ngồi tù; thứ hai, nhiều nhà tù bị quá tải, không đủ chỗ để chứa phạm nhân.

J. Braithwait nhận xét rằng, việc áp dụng nguyên tắc “đảm bảo công bằng” đối với những người không có tài sản trong sự so sánh với những người có tài sản (kể mạnh trong xã hội), cho thấy sự không công bằng và học thuyết này được đưa ra xét đến cùng là nhằm

biện minh cho nền tư pháp hình sự phục vụ giai cấp cầm quyền mà thôi¹⁹.

Cách đây không lâu, ở nước Mỹ người ta đã lớn tiếng ca tụng học thuyết “Ngăn chặn khả năng thực hiện tội phạm một cách có lựa chọn”. Học thuyết này không những ủng hộ việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn dài đối với những người đã thực hiện tội nghiêm trọng mà còn đối với cả những người bị cho rằng có nguy hiểm cao cho xã hội vì trong tương lai có thể thực hiện một hoặc một số tội nghiêm trọng. Nhưng, tính phi thực tế của thuyết này là dựa vào khả năng tiên đoán (dĩ nhiên là khó chính xác) về hành vi trong tương lai của con người và sử dụng kết quả của sự dự báo đó để quyết định mức hình phạt đối với người bị kết án.

Những người không đồng tình với học thuyết này cho rằng “không thể có những phương pháp cũng như phương tiện để có thể làm sáng tỏ được tính đúng đắn của những dự báo về hành vi của con người trong tương lai”²⁰. Việc áp dụng học thuyết này trong thực tiễn tạo ra sự suy xét rộng rãi mà về thực chất, là sự tùy tiện từ phía những người giám định đưa ra những kết luận về độ chính xác của hành vi trong tương lai, cũng như từ phía các thẩm phán đưa ra những phán quyết trên cơ sở những kết luận đó.

Phân tích trong một tổng thể các quan điểm trên đây của các nhà luật học nước Anh cũng như nước Mỹ về khái niệm hình phạt và mục đích của hình phạt, chúng ta thấy rằng, hình phạt quả thực là hiện tượng xã hội phức tạp có nội hàm phong phú, vì vậy dẫn đến các cách hiểu khác nhau. Từ những cách hiểu khác nhau đó về khái niệm hình phạt và mục đích của hình phạt, chúng ta có thể nhận thức sâu sắc hơn, đầy đủ hơn, toàn diện hơn về hình phạt nói chung, khái niệm hình phạt và mục đích của hình phạt nói riêng, tiếp thu những gì có thể được nhằm hoàn thiện các quy định của BLHS năm 1999 của nước ta về khái niệm hình phạt và mục đích của hình phạt.

¹⁹ Journal of criminal Law and criminology, 1982. N^o2, P.761.

²⁰ Blumstein. A.Senteneing reform: impact and implication // judicature, 1984, N^o4,5.

¹⁸ Nkhikporov.B.S. Reshetnikov Ph. M. Sdd, tr.75 (Tiếng Nga).